

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 685/2022/DS-ST

Ngày: 11/3/2022

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN  
DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Thành Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 549/2019/DSST, ngày 06/8/2019 về việc ‘Tranh chấp hợp đồng vay tài sản’, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6463/2021/QĐXXST-DS ngày 21/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 291/2022/QĐST-DS ngày 18/01/2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 615/2022/QĐXXST-DS, ngày 14/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông NVL, sinh năm 1971 (có mặt)

1.2 Bà PTV, sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 32A/1 ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 95 Chương Dương, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông LPT (vắng mặt)

Địa chỉ: 71 đường 13, khu phố 2, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn ông NVL, bà PTV trình bày:*

Vào ngày 07/9/2013 ông L cùng vợ là bà V có cho ông LPT mượn số tiền và vàng là 02 cây vàng SJC, 10 chỉ vàng 9999, số vàng ông Tuấn vay được quy đổi ra tiền tại thời điểm vay là 114.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền mặt, tổng cộng là 154.000.000 đồng. Khi cho mượn, ông T có làm tờ biên nhận (giấy tờ tay, chữ viết cho ông Tuấn tự viết); hai bên có thỏa thuận thời hạn cho vay là 02 tháng, tuy nhiên không

có ghi trong nội dung biên nhận, chỉ thỏa thuận bằng miệng. Từ khi hết thời hạn 02 tháng cho đến nay ông T không thực hiện việc trả nợ cho vợ chồng ông Lực.

Ngày 24/6/2019 ông L, bà V đã gửi thông báo về việc yêu cầu trả tiền nợ, cụ thể yêu cầu ông LPT trong thời hạn 05 ngày (kể từ ngày 24/6/2019 đến ngày 29/6/2019) phải trả cho ông L, bà V số tiền nợ 154.000.000 đồng. Việc này đã được Văn phòng thừa phát lại Sài Gòn lập vi bằng số 955/2019/VB-TPLSG ngày 25/6/2019.

Tuy nhiên hết thời hạn nêu trên mà ông T vẫn chưa trả tiền cho ông Lực, bà Vy nên nay ông L, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc:

Yêu cầu ông LPT phải trả cho vợ chồng ông NVL, bà PTV số tiền nợ 154.000.000 đồng; ông L, bà V không yêu cầu tính lãi.

Ông L xác định chỉ cho cá nhân ông T vay tiền, không liên quan gì đến ai, do đó ông L chỉ yêu cầu cá nhân ông T có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho vợ chồng ông. Khi vay tiền ông T không có thể chấp tài sản gì.

\* *Bị đơn ông LPT*: Đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt và cũng không có lời khai trình bày ý kiến gởi cho Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay. Tuy nhiên cần rút kinh nghiệm vì còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NVL, bà PTV, buộc ông LPT có trách nhiệm trả cho ông L, bà V số tiền là 154.000.000 (một trăm năm mươi bốn triệu) đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông LPT cư trú tại địa chỉ số : 71 đường 13, khu phố 2, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần bị đơn ông T để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 10/7/2019 và tài liệu, chứng cứ kèm theo của ông L và bà V, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân sự về hợp đồng vay tài sản được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 02 lượng SJC, 10 chỉ vàng 9999, được quy đổi thành tiền tại thời điểm vay là 114.000.000 đồng, cộng thêm 40.000.000 đồng tiền mặt. Tổng cộng số tiền là 154.000.000 đồng; nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Căn cứ vào Biên nhận mượn tiền thì ông LPT ghi có mượn của ông NVL 02 vẩy vàng SJC, 10 chỉ vàng 9999 và 40.000.000 đồng, không ghi lãi suất.

Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về chứng cứ như sau: Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp.

Đối chiếu với quy định trên của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định, đánh giá, khách quan về chứng cứ mà ông L, bà V cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cụ thể là Biên nhận mượn tiền, vàng đề ngày 07/9/2013 do ông LPT viết là hợp pháp; việc vay mượn được ông Tuấn được lập bằng biên bản, nên yêu cầu khởi kiện của ông L, bà V buộc ông T phải trả 02 lượng vàng SJC, 10 chỉ vàng 9999 được quy đổi thành tiền tại thời điểm vay là 114.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền mặt, tổng cộng là 154.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, tại thời điểm xét xử sơ thẩm giá vàng SJC có giá là 70.250.000 đồng/lượng, giá vàng chỉ 9999 có giá là 5.690.000 đồng/chỉ là có lợi cho bị đơn ông LPT, nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên thì đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thủ Đức về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông LPT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NVL, bà PTV cụ thể:

Buộc ông LPT phải có trách nhiệm trả cho ông NVL, bà PTV số tiền là 154.000.000 (một trăm năm mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng, ông Liêng Phương Tuấn phải chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Hoàn trả lại cho ông NVL, bà PTV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.850.000 (ba triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003534 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Thành Đức**